

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC QUYẾT ĐỊNH: SỐ 42/2024/QĐ-UBND NGÀY 27/9/2024;
SỐ 43/2024/QĐ-UBND NGÀY 27/9/2024; SỐ 28/2025/QĐ-UBND NGÀY 14/5/2025
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	THUYẾT MINH
Chương I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
I. Nội dung Quyết định		
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; - Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày	- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; - Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; - Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; - Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Thay thế các căn cứ đã hết hiệu lực thi hành và cập nhật, bổ sung các căn cứ quy định pháp luật mới.

<p>14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p>	<p>78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;</p>	
II. Nội dung Quy định		
<p>Điều 4. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi (khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)</p> <p>1. Tỷ lệ quy đổi để bồi thường, cụ thể như sau:</p> <p>a) Bồi thường bằng đất ở: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 2 Điều này chỉ được quy đổi 01 lần bằng 01 thửa đất ở theo hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo phương án bồi thường được phê duyệt.</p> <p>b) Bồi thường bằng đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 2 Điều này chỉ được quy đổi 01 lần bằng 01 thửa đất thương mại, dịch vụ hoặc 01 thửa đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có</p>	<p>Điều 1. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau</p> <p>“3. Diện tích, tỷ lệ quy đổi được xác định trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã và theo từng tự án, không cộng dồn diện tích thu hồi của các dự án khác để tính quy đổi.”</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung thêm quy định về xác định diện tích đất thu hồi được giới hạn trên phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã, tương tự với quy định khi xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại Điều 11 Quy định này; tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kiểm tra, xác định diện tích đất thu hồi để tính quy đổi.</p>

<p>diện tích không quá 250 m² thuộc khu vực đô thị hoặc 400 m² thuộc khu vực nông thôn.</p> <p>c) Bồi thường bằng đất nông nghiệp: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 2 Điều này chỉ được quy đổi 01 lần diện tích không quá 2.000 m² thuộc khu vực đô thị hoặc không quá 3.000 m² thuộc khu vực nông thôn đối với một trong các loại đất: đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác. Đối với đất rừng sản xuất không quá 03 ha.</p> <p>d) Bồi thường bằng nhà ở: Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 2 Điều này và căn cứ vào quỹ nhà ở trên địa bàn và dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chỉ được quy đổi 01 lần bằng 01 căn nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.</p> <p>2. Điều kiện được bồi thường</p> <p>a) Trên địa bàn cấp huyện có quỹ đất, quỹ nhà ở để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.</p> <p>b) Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và có quỹ đất tái định cư hoặc nhà ở để bồi thường cho người bị thu hồi đất và được xác định trong dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) Hộ gia đình, cá nhân có đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất mà có nhu cầu được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.</p> <p>d) Diện tích các loại đất thu hồi để quy đổi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác hiện có bị thu hồi từ 70% trở lên và diện tích thu hồi từ 2.000 m² trở lên thuộc khu vực đô thị; từ 3.000 m² trở lên thuộc khu vực nông thôn. - Đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ hiện có bị thu hồi từ 70% trở lên và diện tích thu hồi từ 10.000 m² 		
---	--	--

<p>trở lên thuộc khu vực đô thị; từ 20.000 m2 đất trở lên thuộc khu vực nông thôn.</p> <p>- Đất phi nông nghiệp hiện có bị thu hồi từ 70% trở lên và diện tích thu hồi từ 250 m2 trở lên thuộc khu vực đô thị hoặc từ 400 m2 đất trở lên thuộc khu vực nông thôn. Trường hợp khi Nhà nước thu hồi mà diện tích còn lại của thửa đất không đủ điều kiện để sản xuất, kinh doanh thì Nhà nước thu hồi hết diện tích còn lại của thửa đất theo yêu cầu của người sử dụng đất.</p> <p>- Đất ở bị thu hồi từ 250 m2 trở lên thuộc khu vực đô thị hoặc từ 400 m2 đất trở lên thuộc khu vực nông thôn.</p> <p>3. Diện tích, tỷ lệ quy đổi được xác định theo từng dự án, không cộng dồn diện tích thu hồi của các dự án khác để tính quy đổi.</p>		
	<p>Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“Điều 4a: Bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi.</p> <p>1. Trường hợp trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi không có quỹ đất để bố trí tái định cư thì người có đất thu hồi được bố trí tái định cư ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi. Việc lựa chọn vị trí bố trí tái định cư được thực hiện trên cơ sở đánh giá các điều kiện thực tế và bảo đảm các tiêu chí sau:</p> <p>a) Có vị trí phù hợp, thuận lợi cho việc ổn định đời sống và sản xuất, ưu tiên khu tái định cư gần nơi có đất thu hồi;</p> <p>b) Phù hợp với phong tục, tập quán, điều kiện sinh hoạt của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi;</p> <p>c) Có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội bảo đảm điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận về số lượng, vị trí khu tái định cư; phê duyệt</p>	<p>Việc bổ sung Điều 4a nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội về bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi. Quy định này nhằm bảo đảm có cơ sở pháp lý để thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa phương không có quỹ đất tái định cư tại chỗ, đồng thời làm rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp, tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương</p>

	<p>phương án tái định cư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định đối tượng, điều kiện được bố trí tái định cư của từng người sử dụng đất.</p> <p>Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp xã lân cận (xã có quỹ đất để bố trí tái định cư) căn cứ danh sách đối tượng được bố trí tái định cư để lập thủ tục giao đất tái định cư theo thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 6. Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mồ mả (khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)</p> <p>Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được bồi thường như sau:</p> <p>1. Bồi thường di chuyển mồ mả bao gồm các chi phí như: Đào, bốc, di chuyển, xây dựng lại và các chi phí hợp lý khác có liên quan; mức bồi thường theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trường hợp di chuyển mồ mả đến nơi quy định mà phải nộp tiền sử dụng đất thì được tính bổ sung tiền sử dụng đất vào mức bồi thường.</p> <p>2. Đối với mồ mả xây có kết cấu xây dựng phức tạp và không có đơn giá thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp với chủ đầu tư (cơ quan đại diện chủ đầu tư hoặc điều hành dự án) công trình, dự án xác định đơn giá bồi thường theo thực tế tại thời điểm bồi thường để lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường theo quy định.</p> <p>3. Đối với mồ mả khi di chuyển phát hiện có nhiều tiểu (thi hài) trong một mồ mả, thì mỗi tiểu (thi hài) được coi là một mồ mả và được tính bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Đối với nghĩa trang liệt sĩ hoặc mồ mả của người nước ngoài thì hồ sơ dự toán gửi tới <u>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định</u> trước khi trình phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và</p>	<p>Điều 3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau</p> <p>“4. Đối với nghĩa trang liệt sĩ hoặc mồ mả của người nước ngoài thì hồ sơ dự toán gửi tới UBND cấp xã thẩm định trước khi trình phê duyệt cùng với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với và Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thực hiện di chuyển đến nơi quy định”</p>	<p>Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.</p>

<p>Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thực hiện di chuyển đến nơi quy định.</p> <p>5. Trường hợp mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời mà vắng chủ hoặc không có người thân (không có chủ) thực hiện việc di dời thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mồ mả phải di dời tiến hành các thủ tục di dời mồ mả theo phong tục, tập quán tại địa phương; kinh phí di dời được tính trong kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án khi thu hồi đất. Chi phí được áp dụng theo mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>6. Trường hợp mồ mả của đồng bào dân tộc thiểu số không có tập quán di chuyển và không cần phải di chuyển ra khỏi phạm vi thu hồi đất thì được hỗ trợ làm lễ tâm linh theo phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc đó; mức hỗ trợ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/01 mồ mả.</p>		
<p>Điều 10. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất (khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai)</p> <p>Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường cụ thể như sau:</p> <p>1. Bồi thường 4.000.000 (Bốn triệu) đồng nếu khoảng cách di chuyển dưới 10 km; 6.000.000 (Sáu triệu) đồng nếu khoảng cách di chuyển từ 10 km đến dưới 30 km; 8.000.000 (Tám triệu) đồng nếu khoảng cách di chuyển từ 30 km đến dưới 50 km; 10.000.000 (Mười triệu) đồng nếu khoảng cách di chuyển từ 50 km trở lên.</p> <p>2. Đối với máy móc, dây chuyền sản xuất mà có thể tháo dỡ và di chuyển được thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ biên bản điều tra hiện</p>	<p>Điều 4. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau</p> <p>“2. Đối với máy móc, dây chuyền sản xuất mà có thể tháo dỡ và di chuyển được thì Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ biên bản điều tra hiện trạng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất) để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ năng lực lập dự toán tháo dỡ di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt), gửi phòng kinh tế hoặc phòng kinh tế hạ tầng và đô thị thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.”</p>	<p>Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Thay thế cụm từ “Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện” thành “phòng kinh tế hoặc phòng kinh tế và đô thị” cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.</p>

<p>trạng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thu hồi đất) để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân, đủ năng lực lập dự toán tháo dỡ di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt), <u>gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện</u> thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p>		
<p>Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất (khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)</p> <p>1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP mà bị thu hồi đất dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 12 tháng.</p> <p>2. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:</p> <p>a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng.</p> <p>b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu</p>	<p>Điều 5. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“b) Số nhân khẩu trong hộ gia đình được hỗ trợ là những người có chung quyền sử dụng đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nhân khẩu là thành viên hộ gia đình phát sinh sau thời điểm giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình đó (nếu có); việc xác định số nhân khẩu có chung quyền sử dụng đất do các thành viên trong hộ gia đình tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật”</p>	<p>Tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 226/2024/NĐ-CP ngày 15/8/2024 đã bổ sung quy định về nhân khẩu được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Do vậy để việc quy định được đồng bộ với quy định tại Nghị định cần chỉnh sửa cho phù hợp.</p> <p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ: “3. <i>Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định khác về mức hỗ trợ ổn định đời sống, về hình thức hỗ trợ ổn định đời sống nhưng không thấp hơn so với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này</i>”</p> <p>Tuy nhiên qua kết quả thực tế về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh thì hình thức và mức hỗ trợ ổn định đời sống đang được quy định tại Điều 11 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh là phù hợp, đảm bảo đầy đủ các đối tượng và được người dân đồng thuận, do vậy Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất UBND tỉnh không quy định khác về mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ ổn định đời sống, mà chỉ điều chỉnh quy định về nhân khẩu được nhận hỗ trợ cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP</p>

<p>không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 18 tháng.</p> <p>c) Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Trường hợp phải di chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hỗ trợ 12 tháng.</p> <p>3. Diện tích đất nông nghiệp thu hồi để tính hỗ trợ ổn định đời sống quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là diện tích trong phạm vi địa giới hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.</p> <p>4. Mức hỗ trợ</p> <p>a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, mức hỗ trợ 01 tháng được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/01 nhân khẩu/01 tháng; trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, mức hỗ trợ 01 tháng được tính bằng tiền tương đương 15 kg gạo/01 nhân khẩu/01 tháng.</p> <p>b) Số nhân khẩu được hỗ trợ là toàn bộ số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm lập phương án bồi thường. Đối với nhân khẩu chưa có tên trong hộ gia đình theo cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại thời điểm quyết định thu hồi đất thì căn cứ vào sổ theo dõi hộ khẩu của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>c) Giá gạo được áp dụng theo giá gạo tẻ trung bình tại</p>		
---	--	--

<p>thời điểm phê duyệt phương án bồi thường trên địa bàn có đất bị thu hồi theo báo cáo giá thị trường hàng tháng của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Thời gian chi trả tiền hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được trả một (01) lần hoặc theo tiến độ bố trí vốn của dự án cùng với thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>		
<p>Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất (điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)</p> <p>1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm một lần bằng tiền đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Mức hỗ trợ như sau:</p> <p>a) Đối với đất chuyên trồng lúa thì hỗ trợ bằng 5,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;</p> <p>b) Đối với đất trồng lúa còn lại thì hỗ trợ bằng 4,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;</p> <p>c) Đối với đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ thì hỗ trợ bằng 3,0 lần giá đất cùng loại, cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được cấp có thẩm quyền ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh</p>	<p>Điều 6. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“a) Căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi;”</p>	<p>Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.</p> <p>Thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 14 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã: “l) <i>Lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương; tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai;</i>”</p>

<p>doanh dịch vụ mà nguồn thu nhập chính là từ hoạt động kinh doanh dịch vụ khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 10% giá trị của thửa đất ở bị thu hồi tính bằng tiền đối với phần diện tích đất ở thực tế bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường.</p> <p>3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</p> <p>a) Căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định phù hợp với từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi;</p> <p>b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm phải lấy ý kiến của người có đất bị thu hồi</p>		
<p>Điều 15. Hỗ trợ tái định cư (khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)</p> <p>1. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền để tự lo chỗ ở đối với người có đất ở bị thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai và khoản 2 Điều 23 Nghị định số <u>88/2024/NĐ-CP</u> , cụ thể như sau:</p> <p>a) Hộ có một nhân khẩu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ/tháng;</p> <p>b) Hộ có từ 02 nhân khẩu đến 04 nhân khẩu là 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ/tháng;</p> <p>c) Hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/hộ/tháng;</p>	<p>Điều 7. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 15 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau.</p> <p>“3. Việc bố trí tạm cư trước khi hoàn thành bố trí tái định cư đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 được thực hiện như sau:</p> <p>a) Việc bố trí tạm cư được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bố trí vào quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nếu có);- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư. <p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và quỹ nhà ở hiện có, quyết định hình</p>	<p>Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 254/2025/QH15, trong đó có quy định bổ sung về nguyên tắc bố trí tạm cư đối với người có đất ở bị thu hồi trong thời gian chờ bố trí tái định cư. Do đó, nội dung tại Điều 15 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND cần được rà soát, bổ sung để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo quyền lợi của người của người bị thu hồi đất.</p> <p>Mức hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND hiện phù hợp với mặt bằng giá thuê nhà tại địa phương và không phát sinh vướng mắc lớn trong thực tiễn. do đó đề nghị giữ nguyên đề bảo đảm tính ổn định, kế thừa và khả thi trong tổ chức thực hiện.</p>

<p>d) Thời gian hỗ trợ quy định tại điểm a, b và c khoản này là 06 tháng tính từ ngày người sử dụng đất bàn giao đất cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường.</p> <p>2. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở, thời gian tính hỗ trợ 06 tháng tính từ ngày người sử dụng đất bàn giao nhà cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, mức hỗ trợ theo đơn giá thuê nhà công vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p>	<p>thức bố trí tạm cư theo quy định nêu trên; nội dung bố trí tạm cư được tổng hợp trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để phê duyệt theo thẩm quyền.</p> <p>b) Thời gian bố trí tạm cư tính từ thời điểm người có đất bị thu hồi bàn giao đất thu hồi đến khi được nhận bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư. Trường hợp người có đất bị thu hồi nhận được thông báo nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư mà không nhận đất, nhà tái định cư, thì thời gian kéo dài kể từ ngày nhận được thông báo đến khi nhận đất ở, nhà ở tái định cư không được tính hỗ trợ tiền thuê nhà.</p> <p>c) Mức hỗ trợ tiền thuê nhà khi bố trí tạm cư thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.</p> <p>d) Kinh phí bố trí tạm cư được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.</p>	
<p>Điều 17. Hỗ trợ khác (khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai)</p> <p>1. Hỗ trợ gia đình chính sách</p> <p>a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ (được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ) đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/hộ;</p> <p>b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức từ 21% - 80%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, khi Nhà nước</p>	<p>Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“Điều 17. Hỗ trợ khác (khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai</p> <p>1. Hỗ trợ gia đình chính sách</p> <p>a) Hộ gia đình có người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động; bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ (được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ) đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/hộ;</p> <p>b) Hộ gia đình có người là thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh</p>	<p>Theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai: “12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể.” Như vậy quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là quy định chung làm căn cứ cho Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định cho từng dự án cụ thể, do vậy Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất chỉnh sửa lại quy định tại Điều 17 không quy định cụ thể mức hỗ trợ mà chỉ giới hạn ở mức tối đa. Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương để Quyết định cho phù hợp cho từng dự án.</p> <p>Ngoài ra cần chỉnh sửa một số nội dung để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ</p>

<p>thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ;</p> <p>c) Hộ gia đình có người được hưởng trợ cấp xã hội khác của Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ;</p> <p>d) Hộ gia đình có nhiều đối tượng hưởng chính sách xã hội theo quy định tại điểm a, b và c khoản này thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.</p> <p>2. Người có đất ở bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định, còn được hỗ trợ kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ lên nhà mới một lần là 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ.</p> <p>3. Thương di chuyển đúng tiến độ</p> <p>a) Người sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất mà bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng 5.000 (Năm nghìn) đồng/m² đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi;</p> <p>b) Người có đất, tài sản trên đất bị thu hồi phải phá dỡ, di chuyển toàn bộ nhà ở, công trình mà bàn giao mặt bằng (đất sạch) cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/hộ;</p> <p>c) Người sử dụng đất ở phải phá dỡ một phần nhà chính (không phải di chuyển chỗ ở) bàn giao mặt bằng (đất sạch) đúng hoặc trước thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ;</p> <p>d) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thời gian, địa điểm chi trả tiền, thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường</p>	<p>mất sức từ 21% - 80%, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gia đình có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ;</p> <p>c) Hộ gia đình có người được hưởng trợ cấp xã hội khác của Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải phá dỡ nhà ở thì ngoài mức bồi thường hỗ trợ theo quy định thì được hỗ trợ thêm tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ;</p> <p>d) Hộ gia đình có nhiều đối tượng hưởng chính sách xã hội theo quy định tại điểm a, b và c khoản này thì được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.</p> <p>2. Người có đất ở bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường theo quy định, còn được hỗ trợ kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ lên nhà mới một lần là tối đa không quá 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ.</p> <p>3. Thương di chuyển đúng tiến độ</p> <p>a) Người sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất mà bàn giao toàn bộ diện tích đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường (đất sạch) đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng tối đa không quá 5.000 (Năm nghìn) đồng/m² đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi;</p> <p>b) Người có đất, tài sản trên đất bị thu hồi phải phá dỡ, di chuyển toàn bộ nhà ở, công trình mà bàn giao mặt bằng (đất sạch) cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường đúng thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường thì được thưởng tối đa không quá 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/hộ;</p> <p>c) Người sử dụng đất ở phải phá dỡ một phần nhà chính (không phải di chuyển chỗ ở) bàn giao mặt bằng (đất sạch) đúng hoặc trước thời hạn phải bàn giao ghi trong thông báo của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường</p>	<p>khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, cụ thể:</p> <p>b) Không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã.</p> <p>- Bổ sung thêm khoản 11 quy định về hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian xây dựng nhà ở trên đất ở tái định cư. Việc bổ sung quy định này xuất phát từ thực tiễn khi đã bàn giao đất ở tái định cư, tuy nhiên cần thời gian để xây dựng nhà ở.</p>
--	--	--

<p>quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 của Luật Đất đai để lập phương án tiền thưởng di chuyển đúng tiến độ (nếu có) trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.</p> <p>4. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 50% giá đất của loại đất nông nghiệp bị thu hồi.</p> <p>5. Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp đặc biệt Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi và các thửa đất, tài sản trên đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất nhưng bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án thì được bồi thường công cải tạo đất và bằng 30% giá trị thu hồi của phần diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ. Trường hợp không thể cải tạo để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ mà phải chuyển sang để sử dụng vào mục đích khác (<u>việc chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện</u>) có giá trị thấp hơn thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị bồi thường của diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng theo loại đất trước khi chuyển mục đích. Giá trị thu hồi, bồi thường nêu trên được tính theo diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng nhân với giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.</p> <p>6. Hỗ trợ nhà, công trình không đủ điều kiện bồi thường</p> <p>a) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai, nhưng tại thời điểm xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình thì được hỗ trợ tối đa bằng 80% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này;</p> <p>b) Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày thông</p>	<p>thì được thưởng tối đa không quá 1.000.000 (Một triệu) đồng/hộ;</p> <p>d) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thời gian, địa điểm chi trả tiền, thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 của Luật Đất đai để lập phương án tiền thưởng di chuyển đúng tiến độ (nếu có) trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.</p> <p>4. Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ bằng 50% giá đất của loại đất nông nghiệp bị thu hồi.</p> <p>5. Bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp đặc biệt Trường hợp diện tích đất còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi và các thửa đất, tài sản trên đất nằm ngoài phạm vi thu hồi đất nhưng bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án thì được bồi thường công cải tạo đất và bằng tối đa không quá 30% giá trị thu hồi của phần diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ. Trường hợp không thể cải tạo để tiếp tục sử dụng theo mục đích cũ mà phải chuyển sang để sử dụng vào mục đích khác (việc chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai) có giá trị thấp hơn thì được hỗ trợ tối đa không quá 50% giá trị bồi thường của diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng theo loại đất trước khi chuyển mục đích. Giá trị thu hồi, bồi thường nêu trên được tính theo diện tích đất thực tế bị ảnh hưởng nhân với giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.</p> <p>6. Hỗ trợ nhà, công trình không đủ điều kiện bồi thường</p> <p>a) Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai, nhưng tại thời điểm xây dựng phù hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không vi phạm hành lang bảo vệ</p>	
--	--	--

<p>báo thu hồi đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì không được bồi thường, không được hỗ trợ;</p> <p>c) Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường về đất và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:</p> <p>Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt thì được hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt thì được hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng không đúng mục đích và sau thời điểm kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt thì không được bồi thường, không được hỗ trợ. Trường hợp là công trình xây dựng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo theo chuẩn nghèo thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>d) Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân</p>	<p>công trình thì được hỗ trợ tối đa bằng 80% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này;</p> <p>b) Nhà, công trình khác xây dựng trước ngày thông báo thu hồi đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã được phê duyệt và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc thì không được bồi thường, không được hỗ trợ;</p> <p>c) Nhà, công trình khác không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện bồi thường về đất và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ như sau:</p> <p>Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ tối đa bằng 100% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng sau thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng trước thời điểm thông báo thu hồi đất thì được hỗ trợ tối đa bằng 70% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ tối đa bằng 50% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.</p> <p>Trường hợp xây dựng không đúng mục đích và sau thời điểm dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không được bồi thường, không được hỗ trợ. Trường hợp là công trình xây dựng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc</p>	
---	--	--

tộc thiểu số có tập quán làm nhà nương (lán nương) xa nơi ở để sử dụng làm nơi sinh hoạt ăn ở trên nương, làm kho chứa sản phẩm, chuồng trại chăn nuôi; được xây dựng từ trước ngày **kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt** và không vi phạm **quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cấm mốc, hiện đang sử dụng đất ổn định không tranh chấp và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận thì được hỗ trợ bằng 100% về giá trị tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng từ trước ngày **kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện được phê duyệt**, nhưng xây dựng vi phạm **quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cấm mốc mà những vi phạm đó chưa có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức **hỗ trợ bằng 50%** đơn giá bồi thường về tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng sau ngày thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường, không được hỗ trợ.

7. Trường hợp nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp không bị thu hồi đất hoặc bị thu hồi đất đất nhưng nhà ở, công trình không bị phá dỡ mà vẫn đang sử dụng bình thường nhưng do Nhà nước thực hiện công trình, dự án mà cốt của công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong cao hơn (đối với ta luy âm) hoặc thấp hơn (đối với ta luy dương) so với cốt ban đầu trước khi thực hiện công trình, dự án do Nhà nước đầu tư (**theo hướng chính của nhà, công trình**) thì được hỗ trợ như sau:

a) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ 0,75 m đến 1,5 m so với cốt ban đầu của công trình, dự án đó thì được

thiểu số đặc biệt khó khăn, hộ nghèo theo chuẩn nghèo thì được hỗ trợ **tối đa bằng 50%** mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

d) Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số có tập quán làm nhà nương (lán nương) xa nơi ở để sử dụng làm nơi sinh hoạt ăn ở trên nương, làm kho chứa sản phẩm, chuồng trại chăn nuôi; được xây dựng từ trước ngày **dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt** và không vi phạm **quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn** đã được công bố, công khai và cấm mốc, hiện đang sử dụng đất ổn định không tranh chấp và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận thì được hỗ trợ bằng 100% về giá trị tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng từ trước ngày **dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt**, nhưng xây dựng vi phạm **quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn**, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được công bố, công khai và cấm mốc mà những vi phạm đó chưa có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức hỗ trợ **tối đa bằng 50%** đơn giá bồi thường về tài sản theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm bồi thường.

Trường hợp nhà nương (lán nương) được xây dựng sau ngày thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường, không được hỗ trợ.

7. Trường hợp nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng hợp pháp không bị thu hồi đất hoặc bị thu hồi đất đất nhưng nhà ở, công trình không bị phá dỡ mà vẫn đang sử dụng bình thường nhưng do Nhà nước thực hiện công trình, dự án mà cốt của công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong cao hơn (đối với ta luy âm) hoặc thấp hơn (đối với ta luy dương) so với cốt ban đầu trước khi thực hiện công

<p>hỗ trợ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. b) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ trên 1,5 m đến 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình đó thì được hỗ trợ, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ bằng 60% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. c) Trường hợp cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn trên 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình, dự án đó và cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 m thì được hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân 	<p>trình, dự án do Nhà nước đầu tư (theo hướng chính của nhà, công trình) thì được hỗ trợ như sau:</p> <p>a) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ 0,75 m đến 1,5 m so với cốt ban đầu của công trình, dự án đó thì được hỗ trợ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. <p>b) Cốt công trình, dự án của Nhà nước sau khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn từ trên 1,5 m đến 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình đó thì được hỗ trợ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 80% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. - Nếu nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước từ trên 3,0 m đến 5,0 m thì mức hỗ trợ tối đa bằng 60% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng. <p>c) Trường hợp cốt công trình, dự án của Nhà nước sau</p>	
---	---	--

<p>tính quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.</p> <p>d) Đối với nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và vật liệu bị hao hụt, hư hỏng do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy mô tương đương với công trình cũ thì hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.</p> <p>đ) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp thu hồi đất thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.</p> <p>8. Hỗ trợ làm đường nước 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ; nơi không có công trình nước tập trung thì hỗ trợ đào giếng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ; hỗ trợ lắp điện chiếu sáng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ.</p> <p>9. Hộ gia đình bị thu hồi đất có khẩu thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định thì được hỗ trợ 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ.</p> <p>10. Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản bằng 30% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy định này. Trường hợp hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh và làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phải di chuyển chỗ ở mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất một lần bằng 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được</p>	<p>khi xây dựng xong mà cao hoặc thấp hơn trên 2,5 m so với cốt tự ban đầu của công trình, dự án đồ và cách chỉ giới xây dựng công trình, dự án của Nhà nước nhỏ hơn hoặc bằng 5,0 m thì được hỗ trợ tối đa bằng 100% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.</p> <p>d) Đối với nhà ở, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất bị thu hồi có thể tháo dỡ và di chuyển đến chỗ ở mới thì chỉ được hỗ trợ các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và vật liệu bị hao hụt, hư hỏng do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy mô tương đương với công trình cũ thì hỗ trợ tối đa bằng 30% đơn giá bồi thường về nhà, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm bồi thường đối với toàn bộ diện tích nhà ở, công trình liền khối hiện có bị ảnh hưởng.</p> <p>đ) Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này nếu người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi đất. Trong trường hợp thu hồi đất thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.</p> <p>8. Hỗ trợ làm đường nước tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ; nơi không có công trình nước tập trung thì hỗ trợ đào giếng tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ; hỗ trợ lắp điện chiếu sáng tối đa không quá 2.000.000 (Hai triệu) đồng/hộ.</p> <p>9. Hộ gia đình bị thu hồi đất có khẩu thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định thì được hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/hộ.</p> <p>10. Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản tối đa bằng 30% mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy định này. Trường hợp hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh và</p>	
---	--	--

<p>kiểm toán hoặc được cơ quan Thuế tại địa phương xác nhận.</p>	<p>làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phải di chuyển chỗ ở mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất một lần tối đa bằng 30% một năm thu nhập sau thuế theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan Thuế tại địa phương xác nhận.</p> <p>11. Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở tái định cư để tự xây dựng nhà ở thì được hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian xây dựng nhà ở nhưng tối đa không quá 05 tháng. Mức hỗ trợ theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này.</p> <p>12. Căn cứ theo quy định tại Điều này Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với từng dự án cụ thể.”</p>	
<p>Điều 18. Trách nhiệm của các cấp, các ngành</p> <p>1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các cấp, các ngành tổ chức thực hiện Quy định này theo đúng quy định.</p> <p>2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường và chính quyền địa phương để triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập hồ sơ thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường báo cáo kết quả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập</p>	<p>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 của Quy định Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>1. Sửa đổi khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn đảm bảo theo quy định này và các quy định của pháp luật. Xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà, công trình xây dựng, tình hình vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác định tỷ lệ đất nông nghiệp đang sử dụng bị thu hồi; xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định. Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường để tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.”</p> <p>2. Sửa đổi khoản 6 như sau:</p> <p>“6. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan</p>	<p>Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Trách nhiệm của UBND cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ, tái định cư do UBND cấp xã thực hiện.</p>

<p>nhà, công trình xây dựng, tình hình vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác định tỷ lệ đất nông nghiệp đang sử dụng bị thu hồi; xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định. Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường để tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn đảm bảo theo Quy định này và các quy định của pháp luật.</p> <p>6. Cơ quan Tài nguyên và môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.</p> <p>7. Cơ quan Thuế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nghĩa vụ tài chính mà người sử dụng đất phải nộp và hướng dẫn việc nộp khoản tiền đã khấu trừ tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vào ngân sách nhà nước theo quy định.</p>	<p>thẩm định phương án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.”</p>	
<p>Chương II. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về hạn mức giao đất, nhận chuyển quyền, công nhận đất ở; tách thửa, hợp thửa đất; giao, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu</p>		
<p>I. Nội dung Quy định (ban hành kèm theo Quyết định)</p>		
<p>Điều 6. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh (khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai)</p> <p>1. Khu vực đô thị: Không quá 05 ha. 2. Khu vực nông thôn: Không quá 06 ha.</p> <p>3. Đối với giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc kết hợp với sử dụng đất thương mại, dịch vụ thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.</p>	<p>Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“3. Đối với giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc kết hợp với sử dụng đất thương mại, dịch vụ thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.”.</p>	<p>- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, cụ thể:</p> <p>“b) Không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ</p>

		2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã.”
<p>Điều 9. Điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất (khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai)</p> <p>1. Điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất</p> <p>Ngoài đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện về tách thửa đất, hợp thửa đất quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 220 Luật Đất đai thì việc tách thửa đất, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo các điều kiện sau đây: a) Diện tích, kích thước của từng thửa đất sau khi tách thửa phải đảm bảo theo quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp thửa đất đủ điều kiện tách thửa đối với đất ở hoặc đất ở và đất khác, nhưng một hoặc nhiều thửa đất ở hoặc đất ở và đất khác sau khi được tách thửa mà không có lối đi thì người đề nghị tách thửa phải bố trí một phần diện tích đất để làm lối đi vào các thửa đất được tách thửa mà không có lối đi, chiều rộng lối đi phải đảm bảo từ 03 m trở lên. c) Đối với nơi đã có quy hoạch chi tiết xây dựng thì việc tách thửa đất phải phù hợp theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, như sau:</p> <p>a) Đối với đất ở tại đô thị và các khu vực quy hoạch đô thị đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì các thửa đất sau khi tách thửa phải đảm bảo diện tích tối thiểu 80 m², đồng thời kích thước chiều rộng và chiều sâu của thửa đất tối thiểu là 04 m.</p> <p>b) Đối với đất ở tại nông thôn các thửa đất sau khi tách thửa phải đảm bảo có diện tích tối thiểu là 120 m², đồng thời kích thước chiều rộng và chiều sâu của thửa đất tối thiểu là 05 m.</p>	<p>Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:</p> <p>“b) Trường hợp thửa đất đủ điều kiện tách thửa đối với đất ở hoặc đất ở và đất khác, nhưng một hoặc nhiều thửa đất ở hoặc đất ở và đất khác sau khi được tách thửa mà không có lối đi thì người đề nghị tách thửa phải bố trí một phần diện tích đất để làm lối đi vào các thửa đất được tách thửa mà không có lối đi, chiều rộng lối đi phải đảm bảo từ 03 m trở lên và khi thực hiện việc tách thửa đất hoặc hợp thửa đất thì không bắt buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất để làm lối đi đó.”.</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:</p> <p>“c) Đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả đất ở và đất nông nghiệp thì khi thực hiện tách thửa đất, phần diện tích đất nông nghiệp này được tách cùng với đất ở mà không bị giới hạn về diện tích tối thiểu được tách thửa quy định tại khoản 3 Điều này, diện tích tối thiểu được tách thửa đất ở phải đảm bảo quy định tại điểm a, b khoản này. Trường hợp tách một phần thửa đất ở và đất nông nghiệp không đủ hạn mức tách thửa theo quy định tại điểm a, b khoản này thì phải thực hiện đồng thời hợp thửa với thửa đất ở hoặc thửa đất ở và đất khác; Việc hợp các thửa đất không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất, cùng hình thức trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cùng thời hạn sử dụng đất.”.</p>	<p>- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, cụ thể:</p> <p><i>“3. Việc tách thửa đất, hợp thửa đất quy định tại điểm d khoản 1 Điều 220 của Luật Đất đai phải bảo đảm có lối đi kết nối với đường giao thông công cộng hoặc được người sử dụng đất liên kế đồng ý cho đi qua để kết nối với đường giao thông công cộng. Trường hợp người sử dụng đất dành một phần diện tích của thửa đất ở hoặc thửa đất có đất ở và đất khác trong cùng thửa đất để làm lối đi, khi thực hiện việc tách thửa đất hoặc hợp thửa đất thì không bắt buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất để làm lối đi đó.</i></p> <p><i>Trường hợp chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất thì không bắt buộc thực hiện tách thửa. Việc hợp các thửa đất không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất, cùng hình thức trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cùng thời hạn sử dụng đất.</i></p> <p>.....”</p> <p>- Tinh thần giảm chi phí và thủ tục hành chính cho người dân khi thực hiện chia tách đất cho người thân trong gia đình.</p>

<p>c) Đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả đất ở và đất nông nghiệp thì khi thực hiện tách thửa đất, phần diện tích đất nông nghiệp này được tách cùng với đất ở mà không bị giới hạn về diện tích tối thiểu được tách thửa quy định tại khoản 3 Điều này, diện tích tối thiểu được tách thửa đất ở phải đảm bảo quy định tại điểm a, b khoản này. Trường hợp tách một phần thửa đất ở và đất nông nghiệp không đủ hạn mức tách thửa theo quy định tại điểm a, b khoản này thì phải thực hiện đồng thời hợp thửa với thửa đất ở hoặc thửa đất ở và đất khác; việc hợp các thửa đất phải đảm bảo có cùng mục đích sử dụng đất.</p>		
<p>Điều 10. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục và giao, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt (khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP)</p> <p>1. Rà soát danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý</p> <p>Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất. Nội dung rà soát gồm:</p> <p>a) Các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt đảm bảo tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; các thửa đất đảm bảo điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất nhưng không đảm bảo cấp phép xây dựng theo quy định và các trường hợp khác Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể.</p> <p>b) Rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông</p>	<p>Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:</p> <p>“b) Rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.</p> <p>2. Sửa đổi khoản 2 như sau:</p> <p>“2. Công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt, lấy ý kiến người dân về nhu cầu giao đất, thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt</p> <p>a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức công bố, công khai nội dung quy hoạch tại các khu vực có thửa đất nhỏ hẹp, thời hạn công khai 15 ngày.</p> <p>b) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân các xã, phường, gửi văn bản đến các chủ sử dụng đất liên kề về việc đăng ký nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt. Thời gian lấy ý kiến 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản.</p> <p>c) Kết thúc thời gian các chủ sử dụng đất liên kề đăng ký, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp danh sách các trường hợp đăng ký nhu cầu sử dụng đất.”.</p>	<p>- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, cụ thể:</p> <p>“b) Không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã.”</p> <p>- Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính</p>

thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt, lấy ý kiến người dân về nhu cầu giao đất, thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức công bố, công khai nội dung quy hoạch tại các khu vực có thửa đất nhỏ hẹp, thời hạn công khai 15 ngày.

b) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn gửi văn bản đến các chủ sử dụng đất liền kề về việc đăng ký nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt. Thời gian lấy ý kiến 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản.

c) Kết thúc thời gian các chủ sử dụng đất liền kề đăng ký, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp danh sách các trường hợp đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

3. Công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Sau khi rà soát, đánh giá, công khai và lấy ý kiến người dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề; trường hợp thửa đất có từ hai người sử dụng đất liền kề trở lên có nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt thì căn cứ vào quy hoạch, điều kiện thực tế sử dụng đất của người sử dụng đất liền kề để cơ quan có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất quyết định thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; danh sách nêu rõ các trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất; công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, thời gian công khai tối thiểu 20 ngày (có biên bản niêm yết và kết thúc công khai).

b) Đối với các thửa đất sử dụng vào mục đích công cộng thì việc công khai và lấy ý kiến theo quy định về lấy ý kiến và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng

3. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Sau khi rà soát, đánh giá, công khai và lấy ý kiến người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề; trường hợp thửa đất có từ hai người sử dụng đất liền kề trở lên có nhu cầu sử dụng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt thì căn cứ vào quy hoạch, điều kiện thực tế sử dụng đất của người sử dụng đất liền kề để cơ quan có thẩm quyền về giao đất, cho thuê đất quyết định thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; danh sách nêu rõ các trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất; công khai danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, thời gian công khai tối thiểu 20 ngày (có biên bản niêm yết và kết thúc công khai).

b) Đối với các thửa đất sử dụng vào mục đích công cộng thì việc công khai và lấy ý kiến theo quy định về lấy ý kiến và công khai quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

c) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân các xã, phường, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến của người dân nơi có đất, người sử dụng đất liền kề về các kiến nghị liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất liền kề (nếu có); tổng hợp danh sách trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất và thực hiện phê duyệt theo quy định”.

thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

<p>đất.</p> <p>c) Kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến của người dân nơi có đất, người sử dụng đất liên hệ về các kiến nghị liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất liền kề (nếu có); tổng hợp danh sách trường hợp đủ điều kiện giao đất, cho thuê đất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường).</p>		
<p>Điều 11. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập (khoản 3 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP)</p> <p>2. Điều kiện, tiêu chí để tách khu đất thực hiện dự án đầu tư thành dự án độc lập:</p> <p>a) Là dự án mà khi thực hiện hay loại bỏ không ảnh hưởng đến dự án khác;</p> <p>b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đối với khu đất tại đô thị thì phải phù hợp với quy hoạch chung đô thị được duyệt;</p> <p>c) Khu đất thực hiện dự án đầu tư tách thành dự án độc lập bao gồm 01 hoặc nhiều thửa liền nhau, không bị chia cắt bởi các thửa đất do Chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;</p> <p>d) Tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng hoặc đường giao thông đã được quy hoạch có bề rộng nền đường tối thiểu 06 m, có khả năng kết nối với giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án.</p> <p>3. Quy mô, tỷ lệ diện tích đất để tách thành dự án độc lập</p> <p>a) Nhóm dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Lai Châu và thị trấn các huyện: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 500 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.</p>	<p>Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau: “b) Phù hợp với quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau: “3. Quy mô, tỷ lệ diện tích đất để tách thành dự án độc lập</p> <p>a) Nhóm dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ</p> <p>- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các phường Đoàn Kết, phường Tân Phong và đất nằm trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính xã tương ứng của chính quyền địa phương ở xã thuộc khu vực thực hiện dự án xây dựng đô thị mới theo quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 500 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.</p> <p>- Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các xã còn lại thuộc tỉnh (trừ đất thuộc khu vực thực hiện dự án xây dựng đô thị mới theo quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 1.000 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.”</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p>	<p>- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai, cụ thể:</p> <p>b) Không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã.</p> <p>- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị quyết số 254/2025/QH15 (Quy định cụ thể về đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn).</p> <p>- Quy định ở việc sửa đổi khoản 4 cho phù hợp với quy định về phân cấp, ủy quyền đang xây dựng (quy định về thẩm quyền tại khoản 4 Điều 11 trong Quy định không còn phù hợp với cơ chế phân cấp mới).</p>

<p>Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn các xã còn lại thuộc các huyện: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu từ 1.000 m² trở lên và chiếm từ 30% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.</p> <p>b) Nhóm dự án sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thì tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tối thiểu 2.000 m² trở lên và chiếm từ 50% trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.</p> <p>c) Trường hợp đề xuất mở rộng diện tích thực hiện dự án thì diện tích đất tại điểm a, điểm b khoản này chỉ tính trên phần diện tích đề xuất mở rộng dự án.</p> <p>4. Trường hợp khu đất thực hiện dự án đầu tư nếu không đáp ứng các điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này thì cơ quan chủ trì thẩm định dự án, danh mục dự án có sử dụng đất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và phải xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định.”.</p>		
<p>Điều 13. Tổ chức thực hiện</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>a) Xác định nguồn gốc đất đai và tình trạng đất đai theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh trong thực hiện Quy định này theo thẩm quyền.</p>	<p>Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau:</p> <p>“4. Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>a) Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương.</p> <p>b) Xác định nguồn gốc đất đai và tình trạng đất đai theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp xã phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý theo Quy định này.</p> <p>d) Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính hoặc kiến nghị xử lý những vấn đề phát sinh trong thực hiện Quy định này theo thẩm quyền.”.</p>	<p>Thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động, theo đó chính quyền địa phương chỉ còn cấp tỉnh và cấp xã (bỏ cấp huyện), do đó cần được sửa đổi, bổ sung cho đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.</p>

Chương III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu		
I. Nội dung Quy định (ban hành kèm theo Quyết định)		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu khi được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, chuyển hình thức sử dụng, công nhận quyền sử dụng, gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh quy hoạch chi tiết, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (sau đây gọi chung là Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) mà làm thay đổi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp theo quy định của pháp luật về đất đai.	Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau: “1. Quy định này quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu khi được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, chuyển hình thức sử dụng, công nhận quyền sử dụng, gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh quy hoạch chi tiết, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (sau đây gọi chung là Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) mà làm thay đổi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp theo quy định của pháp luật về đất đai. 2. Những nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành”.	Bổ sung cho đảm bảo các quy định hiện hành
Điều 3. Nguyên tắc luân chuyển hồ sơ 1. Việc luân chuyển hồ sơ phải đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định; kịp thời, đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong giải quyết các hồ sơ đất đai và xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được pháp luật quy định cho từng cơ quan, đơn vị đảm bảo công việc được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và chặt chẽ theo quy định của pháp luật. 2. Khi thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính nếu có vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có văn bản trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ.	Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau: “1. Việc luân chuyển hồ sơ phải đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định; kịp thời, đảm bảo thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong giải quyết các hồ sơ đất đai và xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai; đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được pháp luật quy định cho từng cơ quan, đơn vị đảm bảo công việc được giải quyết nhanh chóng, thuận lợi và chặt chẽ theo quy định của pháp luật. 2. Khi thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính nếu có vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị có liên quan phải có văn bản trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ.	Toàn bộ phiếu chuyển TT nghĩa vụ tài chính hiện tại được thực hiện trên phần mềm Ilis

	3. Luân chuyển điện tử, sử dụng chữ ký số. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký của các bên trong quá trình thực hiện. Khi thay đổi chữ ký số, bên thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan”.	
“Điều 4. Hình thức luân chuyển hồ sơ 1. Luân chuyển bằng hồ sơ giấy. 2. Luân chuyển thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp. 3. Luân chuyển thông qua phần mềm có kết nối liên thông với cơ quan Thuế.”.	Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau: “Điều 4. Hình thức luân chuyển hồ sơ Việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện bằng hồ sơ điện tử (<i>hệ thống phần mềm quản lý đất đai ILis</i>) hoặc hồ sơ giấy (<i>trong trường hợp hệ thống phần mềm điện tử bị lỗi kết nối liên thông hoặc chưa thể hiện được đầy đủ thông tin địa chính theo quy định</i>)”.	Toàn bộ phiếu chuyển TT nghĩa vụ tài chính hiện tại được thực hiện trên phần mềm Ilis
Khoản 1 Điều 5 - Điểm a Khoản 1 Điều 5 a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu 04h Phụ lục kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai hoặc Phiếu chuyển thông tin theo Mẫu 12/ĐK Phụ lục kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai và hồ sơ kèm theo cho cơ quan thuế. Điểm b Khoản 1 Điều 5 b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Phiếu chuyển thông tin, Giấy tờ có liên quan phục vụ xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất) do cơ quan có chức năng quản lý đất đai	Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau: 1. Sửa đổi điểm a Khoản 1 như sau: “a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và hồ sơ kèm theo cho cơ quan Thuế.”. 2. Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau: “b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (Phiếu chuyển thông tin, Giấy tờ có liên quan phục vụ xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất) do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến; căn cứ vào bảng giá đất, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử	- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thi hành luật Đất đai.

<p>hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến; căn cứ vào bảng giá đất, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất, cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính</p> <p>- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;</p> <p>Điểm d Khoản 1 Điều 5</p> <p>đ) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.</p> <p>- Sở giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 103/2024/NĐ-CP.</p> <p>“Điểm c Khoản 2 Điều 5</p> <p>c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giá đất cụ thể và văn bản của cơ quan có chức năng quản lý đất đai xác định thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khoản nộp bổ sung (nếu có), cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu 04h Phụ lục kèm theo Nghị định số 102/2024/NĐ-CP hoặc Phiếu chuyển thông tin theo Mẫu 12/ĐK Phụ lục kèm theo Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và hồ sơ kèm theo cho cơ quan Thuế”.</p>	<p>dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất, cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính</p> <p>- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.”.</p> <p>3. Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:</p> <p>“đ) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.</p> <p>- Sở giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi thành biểu 03 Phụ lục II theo quy định tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.</p> <p>4. Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:</p> <p>“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giá đất cụ thể và văn bản của cơ quan có chức năng quản lý đất đai xác định thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khoản nộp bổ sung (nếu có), cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và hồ sơ kèm theo cho cơ quan Thuế.”.</p> <p>5. Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:</p>	
---	--	--

<p>Điểm d Khoản 2 Điều 5</p> <p>d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính thửa đất do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất và cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính:</p> <p>- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.</p> <p>Điểm g Khoản 2 Điều 5</p> <p>g) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.</p> <p>Sổ giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.</p>	<p>“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính thửa đất do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc cơ quan đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan Thuế xác định tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm và gửi cho người sử dụng đất và cơ quan chuyển Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính:</p> <p>- Thông báo về đơn giá thuê đất theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.</p> <p>6. Sửa đổi điểm g khoản 2 như sau:</p> <p>“g) Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất sau khi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời hạn 01 ngày làm việc cơ quan thu ngân sách nhà nước chuyển thông tin thu nộp ngân sách cho cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế để cơ quan Thuế chuyển cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai làm căn cứ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất cho người sử dụng đất theo quy định. Việc bàn giao đất chỉ được thực hiện khi người sử dụng đất đã nộp đủ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê theo quy định.</p> <p>Sổ giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi thành biểu 03 Phụ lục II theo quy định tại Nghị định 291/2025/NĐ-CP.”.</p>	
<p>“Điều 8. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ; tiếp nhận, số hoá, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ luân chuyển xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai”.</p>	<p>Điều 19. Sửa đổi bổ sung Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:</p> <p>“ Điều 8. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ; tiếp</p>	

	nhận, số hoá, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ luân chuyển xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai”.	
“Điểm a Khoản 4 Điều 9 4. Cơ quan Thuế a) Chi cục Thuế khu vực IX, Đội Thuế khu vực theo chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 123 Luật Đất đai.	Điều 20. Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 4 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau: “a) Thuế tỉnh Lai Châu, Thuế cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 123 Luật Đất đai”	Theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 36/6/2025 của Cục Thuế về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục thuế; Quyết định số 1377/QĐ-CT ngày 36/6/2025 của Cục Thuế về ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế cơ sở thuộc thuế tỉnh, thành phố
Chương IV. Tổ chức thực hiện		
	Điều 21. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau: 1. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ của Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau: a) Thay thế các cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau: - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 1 Điều 10. - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 13. b) Bãi bỏ điều, cụm từ như sau: - Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” và cụm từ “thị trấn” tại Điều 3 Quyết định. - Bãi bỏ khoản 3 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định. 2. Thay thế, bãi bỏ các điểm, khoản, cụm từ của Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 như sau: a) Thay thế các cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau: - Cụm từ “quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị” bằng cụm từ “quy hoạch	

	<p>tỉnh, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch đô thị và nông thôn” tại điểm b khoản 2 Điều 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 19 - Cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm a khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 15, khoản 4 Điều 16. <p>b) Bãi bỏ điều, cụm từ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” và cụm từ “thị trấn” tại Điều 3 Quyết định. - Cụm từ “Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố” tại Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Bãi bỏ khoản 5 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định. 	
	<p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 	